

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65 /2020/HS-ST

Ngày 29 - 10 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sứ

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 10 năm 2020;

Đối với bị cáo: **Lê Hữu Đ**, sinh năm 1990 tại: xã B, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Ph 1, xã N, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Đ và bà Lê Thị H; chưa có vợ ,con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ tạm giam ngày từ ngày 03/02/2020 đến ngày 10/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Bảo lãnh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu Đ: Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Đình T, sinh năm 1963. vắng mặt

Trú tại: thôn P, xã N, huyện T, T.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970. vắng mặt

Trú tại: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1964. có mặt

Trú tại: thôn P, xã Nam G, huyện T, tỉnh T;

2. Ông Lê Hữu K, sinh năm 1997 vắng mặt.

Trú tại: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 03/02/2020, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T do ông Lê Văn Đ chỉ huy đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn P 1, xã N, huyện T, tỉnh T phát hiện đối tượng Lê Hữu Đ đi trên xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 36D1-535.19 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện trên người Lê Hữu Đ có 01 đoạn ống hút kẻ sọc màu da cam và trắng bịt kín hai đầu, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, Đ khai nhận đó là ma túy đá tàng trữ để sử dụng. Kiểm tra bên trong túi quần của Đ số tiền 2.500.000đ, Đ khai nhận đó là tiền của bà Lê Thị H- mẹ của Đ đưa cho Đ đi trả nợ. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang đồng thời thu giữ và niêm phong toàn bộ vật chứng trong phong bì niêm phong kí hiệu M.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và làm việc của Lê Hữu Đ tại thôn T, xã B và thôn P, xã N, huyện T, Cơ quan điều tra không phát hiện và thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 694/PC09 ngày 06/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng trong phong bì kí hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,568g loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lê Hữu Đ khai nhận số ma túy trên mua của một người thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực thôn 1, xã B, huyện T với giá 1.000.000đ, chưa kịp sử dụng thì bị Công an bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả.

Ngày 21/10/2010 bị can Lê Hữu Đ được Bệnh viện tâm thần T cấp giấy xác nhận bệnh tật với kết luận: Chậm phát triển tâm thần (F17), không có khả năng lao động, hiện bị can đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho đối tượng bảo trợ xã hội: Là đối tượng khuyết tật nặng không thuộc hộ nghèo theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngày 07/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Lê Hữu Đ. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 259/KLGD ngày 21/7/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội Lê Hữu Đ bị chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên Lê Hữu Đ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đối với xe máy nhãn hiệu Hoda Wave alpha biển kiểm soát 36D1-535.19 và số tiền 2.500.000đ xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Vật chứng vụ án: 0,469g các hạt tinh thể màu trắng của phong bì kí hiệu M là mẫu vật còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSTX ngày 30/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lê Hữu Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo Lê Hữu Đ thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s,q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ từ 16 đến 20 tháng tù.

Về vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và số MeThamphetamine còn lại sau giám định;

Về án phí đề nghị: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu Đ có ý kiến: Đồng với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: về nguyên nhân, động cơ mục đích của bị cáo là tàng trữ ma túy để sử dụng; về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo; về nhận thức pháp luật của bị cáo; và các tính tiết giảm nhẹ gồm: bị cáo thành khẩn khai báo; là người bị hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/02/2020 Lê Hữu Đ đã có hành vi cất giấu 0,568 gam ma túy, loại Methamphetamine ở trong túi áo với mục đích để sử dụng cá nhân, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vào thời điểm phạm tội Bị cáo Lê Hữu Đ bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hành vi của bị cáo Lê Hữu Đ đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, đồng thời gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập... ; mà còn là điều kiện nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Tội phạm về ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Bị cáo đã trưởng thành, nhận thức được mức độ sai trái của hành vi bản thân gây ra, nhưng do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, mà sống buông thả dẫn đến nghiện chất ma túy và đã bất chấp pháp luật để phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, bắt cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo Đ lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và "*Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*" theo quy định tại các điểm s,q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: cần thiết phải xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ bằng hình phạt tù nghiêm minh

như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đ là đối tượng nghiện chất ma túy, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,469g Methamphetamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành là vật cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE An pha màu đen trắng, biển kiểm soát 36D1-53 519. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Hữu Klà em trai của bị cáo, anh Kết không biết bị cáo mượn xe sử dụng vào việc phạm tội, nên không có căn cứ xử lý, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Kết là đúng quy định.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án: Bị cáo Đ khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do bị cáo mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 1000.000(Một triệu) đồng tại khu vực thôn 1, xã B, huyện T, Thanh Hóa. Tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định được người bán ma túy cho Đ, nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm s,q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 17 (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2020 đến ngày 10/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,469g Methamphetamine còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 26 ngày 24/3/2020.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Hữu Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức